

Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/8/2024
Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- * **Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân
- * **Các hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Nguyễn Khắc Thái Sơn
2. Bà Trần Thanh Vân

* **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phan Thị Ngọc Huyền -
Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên:** Bà Diệp
Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19/8/2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên
tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 294/TLST
- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 62/2024/QĐXX- ST ngày 15/7/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị K, sinh năm 1978. Có mặt

HKTT: Xóm HL, xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở: Tổ 01,
phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

* **Bị đơn:** Ông Trương Công P, sinh năm 1961. Vắng mặt lần thứ hai

HKTT: Tổ 12, phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở:
Tổ 01, phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, các bản khai và tại phiên tòa bà Hoàng Thị K trình bày: Bà và ông Trương Công P kết hôn năm 2022 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại nhà trọ ở tổ 01, phường HVT, thành phố TN. Thời gian đầu chung sống hòa thuận. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ mỗi người một khác, nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, dẫn đến việc cãi vã. Bà K đã nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung, không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 03/2024 đến nay. Bà K đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông P.

Về con chung: Không có

Tài sản chung, công nợ chung: Công nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, đồng thời tiến hành hòa giải nhưng bị đơn ông Trương Công P từ chối nhận các văn bản của Tòa và vắng mặt trong tất cả các phiên triệu tập, hòa giải, xét xử với lý do đã đồng ý để bà K ly hôn đơn phương nên không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, vụ án phải được đưa ra xét xử ngày hôm nay.

Trong phần tranh tụng, bà K giữ nguyên quan điểm khởi kiện là đề nghị được ly hôn với ông P. Về con chung: Không có. Công nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền của mình theo Điều 48 BLTTDS; Tuân thủ quy định về trình tự, tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hoàng Thị K, cho bà K được ly hôn với ông Trương Công P. Về con chung: Không có. Công nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết. Buộc bà K nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn đều đang cư trú tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên là đúng quy định. Ông P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ **Khoản 2** Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn. Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đều đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị K và ông Trương Công P là hợp pháp. Quá trình chung sống bà K và ông P phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến việc cãi vã. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành nên đã ly thân từ tháng 03/2024 đến nay. Bản thân ông P không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt tại tất cả các buổi triệu tập, phiên hòa giải, xét xử mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ với lý do ông đã đồng ý để bà K ly hôn đơn phương nên không cần đến Tòa án làm việc. Tại phiên tòa, bà K vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn với ông P và không đồng ý đoàn tụ. Như vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà K và ông P đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà

K đề nghị ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

3. *Về con chung*: Không có.

4. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Công nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

5. *Về án phí*: Bà K phải nộp án dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015. Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hoàng Thị K. Cho bà Hoàng Thị K được ly hôn với ông Trương Công P.

2. **Về con chung**: Không có

3. **Về tài sản chung, công nợ chung**: Công nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

4. **Án phí**: Bà Hoàng Thị K phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0002849 ngày 24/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. **Quyền kháng cáo**: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên ;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND nơi ND, BD cư trú;
- Các DS;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tứ Xuân

